

**CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ ĐIỆN LỰC**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**MỤC LỤC**

<b>Nội dung</b>	<b>Trang</b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	04 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	08 - 09
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	10 - 27

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

### **Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Minh Hải	Chủ tịch
Ông Lê Đăng Thuận	Ủy viên
Ông Vũ Ngọc Đàm	Ủy viên
Bà Phạm Thu Hằng	Ủy viên
Ông Phùng Hoài Linh	Ủy viên

Bổ nhiệm từ ngày 22/04/2012 theo Nghị quyết số: 174/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22/04/2012

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Ông Lê Minh Hải	Tổng Giám đốc
Ông Lê Đăng Thuận	Phó Tổng Giám đốc

Ông Hoàng Đức Trung chức vụ Phó Tổng Giám đốc đã miễn nhiệm từ ngày 01/01/2012 theo Quyết định số: 354/QĐ-PEC ngày 10/12/2011.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty xác nhận đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất**

Chúng tôi, Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

*Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2013*

**Thay mặt Hội đồng quản trị**

*Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2013*

**TM. Ban Tổng Giám đốc**  
**Tổng Giám đốc**

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN**

*Về báo cáo tài chính hợp nhất năm 2012 của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực*

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực từ trang 04 đến trang 27 được lập ngày 18/04/2013, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 2, việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ vào kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam.

---

**Lê Thành Công**  
**Tổng Giám đốc**

Chứng chỉ KTV số: 0498/KTV  
*Thay mặt và đại diện*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN - TƯ VẤN THUẾ (ATC)**

---

**Phan Thanh Quân**  
**Kiểm toán viên**

Chứng chỉ KTV số: 1974/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
**Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012**

**MẪU SỐ B 01-DN/HN**  
*Đơn vị: VND*

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100 = 110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>418.729.113.941</b>	<b>375.766.617.513</b>
<b>I- Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>27.078.311.913</b>	<b>24.377.791.036</b>
1. Tiền	111	V.01	27.078.311.913	24.377.791.036
<b>II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		-	-
<b>III- Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>173.993.287.998</b>	<b>189.082.794.854</b>
1. Phải thu khách hàng	131		132.777.223.838	148.498.505.992
2. Trả trước cho người bán	132		53.753.433.070	51.415.298.724
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Các khoản phải thu khác	135	V.02	1.640.836.308	858.578.367
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	VI.1	(14.178.205.218)	(11.689.588.229)
<b>IV- Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>213.465.220.926</b>	<b>158.978.072.019</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.03	213.465.220.926	158.978.072.019
<b>V- Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>4.192.293.104</b>	<b>3.327.959.604</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.04	-	481.057.320
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.04	81.369.812	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		4.110.923.292	2.846.902.284
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>81.358.518.602</b>	<b>69.063.770.238</b>
<b>I Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
<b>II Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>49.158.981.729</b>	<b>44.547.090.499</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	18.553.789.029	18.261.178.481
- Nguyên giá	222		77.646.461.008	69.668.692.220
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(59.092.671.979)	(51.407.513.739)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	9.809.324.637	10.119.552.737
- Nguyên giá	228		10.998.260.430	10.998.260.430
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(1.188.935.793)	(878.707.693)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	20.795.868.063	16.166.359.281
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>10.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.08	10.500.000.000	2.500.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>21.699.536.873</b>	<b>22.016.679.739</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	20.449.181.040	20.884.124.402
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.250.355.833	1.132.555.337
<b>VI. Lợi thế thương mại</b>	<b>269</b>		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)</b>	<b>270</b>		<b>500.087.632.543</b>	<b>444.830.387.751</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 01-DN/HN  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b> (300 = 310+330)	<b>300</b>		<b>441.445.585.165</b>	<b>381.629.932.995</b>
<b>I- Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>427.645.637.641</b>	<b>368.079.352.748</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10	140.727.038.550	78.811.150.621
2. Phải trả người bán	312		77.109.956.743	72.718.329.482
3. Người mua trả tiền trước	313		173.309.729.737	189.958.207.057
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	6.664.489.140	4.632.277.690
5. Phải trả người lao động	315		10.004.658.599	8.025.860.968
6. Chi phí phải trả	316	V.14	455.049.698	452.526.816
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		1.948.181.900	1.327.574.545
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	12.734.160.211	7.177.980.882
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
10. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		4.692.373.063	4.975.444.687
<b>II- Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>13.799.947.524</b>	<b>13.550.580.247</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		4.148.720.060	4.148.720.060
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	595.512.151	2.851.204.523
5. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.929.672.955
6. Dự phòng phải trả dài hạn	337		6.662.037.690	2.227.305.086
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		2.393.677.623	2.393.677.623
<b>B- VỐN CHỦ SỞ HỮU</b> (400 = 410+430)	<b>400</b>		<b>58.642.047.378</b>	<b>63.200.454.756</b>
<b>I- Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.17</b>	<b>55.807.158.279</b>	<b>60.968.585.141</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		24.300.000.000	24.300.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.325.000.000	2.325.000.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		8.246.217.828	8.246.217.828
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	174.720
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		17.617.215.627	16.430.028.736
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.663.812.634	2.663.812.634
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		993.066.223	993.066.223
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(338.154.033)	6.010.285.000
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ, sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II- Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>2.834.889.099</b>	<b>2.231.869.615</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)</b>			<b>500.087.632.543</b>	<b>444.830.387.751</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>TM</b>	<b>31/12/2012</b> <b>VND</b>	<b>01/01/2012</b> <b>VND</b>
1. Nợ khó đòi đã xử lý		293.861.000	293.861.000
2. Ngoại tệ các loại (USD)		323,29	13.205,66

*Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2013*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Tạ Thị Mai Hương**

**Phạm Thu Hằng**

**Lê Minh Hải**

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU SỐ B 02-DN/HN**  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.18	323.382.873.826	372.558.676.195
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	V.18	-	29.448.978
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	V.18	323.382.873.826	372.529.227.217
4. Giá vốn hàng bán	11	V.19	279.109.986.598	338.578.823.306
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)</b>	<b>20</b>		<b>44.272.887.228</b>	<b>33.950.403.911</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.20	364.635.225	379.057.560
7. Chi phí tài chính	22	V.21	17.525.323.606	13.169.869.601
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>17.137.121.164</i>	<i>12.201.513.904</i>
8. Chi phí bán hàng	24		5.059.205.799	(11.182.086.867)
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		27.158.960.331	30.139.413.002
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}</b>	<b>30</b>		<b>(5.105.967.283)</b>	<b>2.202.265.735</b>
11. Thu nhập khác	31		4.580.884.110	3.594.905.303
12. Chi phí khác	32		2.492.921.148	2.957.701.714
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)</b>	<b>40</b>		<b>2.087.962.962</b>	<b>637.203.589</b>
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(3.018.004.321)</b>	<b>2.839.469.324</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.22	1.531.121.026	642.671.930
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		(862.603.876)	(127.024.986)
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>(3.686.521.471)</b>	<b>2.323.822.380</b>
Lợi nhuận thuộc về cổ đông thiểu số	61		140.043.142	(379.114.645)
Lợi nhuận của các cổ đông công ty mẹ	62		(3.826.564.613)	2.702.937.025
<b>18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>		<b>(1.575)</b>	<b>1.112</b>

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2013

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Tạ Thị Mai Hương

Phạm Thu Hằng

Lê Minh Hải



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU SỐ B 03-DN/HN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(3.018.004.321)	2.839.469.324
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		8.022.939.580	8.924.159.402
- Các khoản dự phòng	03		2.488.616.989	7.462.113.894
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(360.970.745)	(345.976.096)
- Chi phí lãi vay	06		17.137.121.164	12.201.513.904
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		24.269.702.667	31.081.280.428
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		14.448.833.768	(69.891.114.155)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(54.236.070.681)	7.847.537.489
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(11.346.489.768)	41.724.364.601
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		434.943.362	(534.037.638)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(15.562.115.665)	(11.562.991.686)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(51.731.522)	(2.013.517.421)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		740.837.635	229.092.546
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(975.609.000)	(363.250.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(42.277.699.204)</b>	<b>(3.482.635.836)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(12.804.946.221)	(7.051.646.365)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	80.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		360.970.745	85.943.462
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(12.443.975.476)</b>	<b>(6.885.702.903)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		303.617.938.839	245.043.601.638
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(243.957.743.282)	(233.159.398.425)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(2.238.000.000)	(3.645.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>57.422.195.557</b>	<b>8.239.203.213</b>

<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b><u>2.700.520.877</u></b>	<b><u>(2.129.135.526)</u></b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b><u>24.377.791.036</u></b>	<b><u>26.506.714.868</u></b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	211.694
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70 V.01</b>	<b><u>27.078.311.913</u></b>	<b><u>24.377.791.036</u></b>

Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2013

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Tạ Thị Mai Hương**

**Phạm Thu Hằng**

**Lê Minh Hải**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực được thành lập theo Quyết định số 111/2004/QĐ-BCN ngày 13 tháng 10 năm 2004 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) về việc chuyển Nhà máy cơ khí Yên Viên thuộc Công ty sản xuất Thiết bị điện thành Công ty Cổ phần Cơ khí Điện Lực. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số lần 1 ngày 07/04/2006, thay đổi đăng ký kinh doanh lần 2 ngày 08/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty chuyển sang Công ty Cổ phần từ ngày 01/04/2005, thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 7 ngày 29/05/2012 với nội dung bổ sung thông tin về hai (02) chi nhánh được thành lập trong năm 2012.

Trụ sở chính của Công ty tại số 150 Hà Huy Tập, Thị trấn Yên Viên, Hà Nội

Công ty có các công ty con và chi nhánh sau :

<b>Tên Công ty con và Chi nhánh</b>	<b>Địa chỉ</b>
<b>Công ty con</b>	
Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	Đường Tiên Sơn 10, KCN Tiên Sơn, Bắc Ninh
Công ty TNHH Xây lắp PEC	Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
<b>Xí nghiệp hạch toán phụ thuộc</b>	
Chi nhánh Công ty cổ phần Cơ khí điện lực – Xí nghiệp Cơ khí	Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội
Chi nhánh Công ty cổ phần Cơ khí điện lực – Xí nghiệp Kết cấu thép mạ	Số 150 Hà Huy Tập, Yên Viên, Gia Lâm, Hà Nội

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty mẹ và các Công ty con trong năm 2012 bao gồm:

- Sản xuất, mua bán các cấu kiện thép, sắt thép cho xây dựng (dầm cầu thép, xà, thanh giằng, các cột tháp, cột ăng ten truyền hình, cột điện bằng thép mạ kẽm có cấp điện áp tới 500KV, kết cấu thép, thiết bị phi tiêu chuẩn của các nhà máy thủy điện và nhiệt điện) và kim loại màu;
- Sản xuất thiết bị phân phối điện (phụ kiện đường dây và trạm cao, trung, hạ thế);
- Xây dựng công trình công nghiệp (xây lắp đường dây và trạm có cấp điện áp đến 220KV, xây lắp các công trình viễn thông);
- Sửa chữa thiết bị, xây lắp các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện;
- Sản xuất kinh doanh kết cấu thép, thiết bị điện phi tiêu chuẩn của các nhà máy thủy điện và nhiệt điện. Sản xuất kinh doanh các cấu kiện thép, sắt thép cho xây dựng, chế tạo cơ khí, lắp máy;
- Xây dựng nhà các loại, xây dựng công trình đường sắt và đường bộ, xây dựng các công trình dân dụng khác.

**II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

**Nguyên tắc lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập tuân theo quy định của hệ thống Chuẩn mực kế toán Việt Nam gồm có:

- Chuẩn mực kế toán số 07: Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết;
- Chuẩn mực kế toán số 08: Thông tin tài chính về những khoản vốn góp liên doanh;
- Chuẩn mực kế toán số 10: Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

- Chuẩn mực kế toán số 11: Hợp nhất kinh doanh;
- Chuẩn mực kế toán số 21: Trình bày báo cáo tài chính;
- Chuẩn mực kế toán số 24: Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Chuẩn mực kế toán số 25: Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

(Ban hành theo Quyết định 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/20101, Quyết định 165/2002/QĐ-BTC ngày 31/12/2002 và Quyết định 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 của Bộ trưởng Bộ tài chính).

**Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được lập dựa theo báo cáo tài chính sau:

- Báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ - Công ty cổ phần Cơ khí điện lực cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn thuế (ATC).
- Báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn thuế (ATC).
- Báo cáo tài chính Công ty TNHH Xây lắp PEC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn thuế (ATC).

**Thông tin về tỷ lệ kiểm soát và tỷ lệ lợi ích tại các Công ty con**

<b>TT</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Tỷ lệ kiểm soát của Công ty mẹ</b>	<b>Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ</b>
1	Công ty TNHH MTV Cơ khí và Xây dựng Nguồn điện	100%	100%
2	Công ty TNHH Xây lắp PEC	51%	51%

**Kỳ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch hàng năm.

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại thông tư 206/2009/TT-BTC ngày 27/01/2009 và thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

**Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

**Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán máy.

**IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi**

Các khoản phải thu tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao như sau:

	<u>Năm sử dụng ước tính</u>
Nhà xưởng và vật kiến trúc	20 - 27
Máy móc và thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	07 - 08
Thiết bị văn phòng	05

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Tài sản cố định vô hình và hao mòn**

Tài sản cố định vô hình tại Công ty là giá trị của phần mềm kế toán.

Thời gian khấu hao của tài sản cố định vô hình được xác định theo thời gian sử dụng ước tính là 05 năm. Công ty trích khấu hao nhanh 02 lần mức khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng.

**Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

**Các khoản đầu tư dài hạn khác**

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản đầu tư mua cổ phần với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của Công ty cổ phần. Các khoản đầu tư dài hạn khác được phản ánh theo giá gốc.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí thành lập và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê 5.000 m<sup>2</sup> đất tại Hải Dương, thời gian cho thuê là 49 năm, Công ty đang hoàn tất thủ tục để nhận bàn giao quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất chưa được phân bổ vào hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm tuân các quy định kế toán hiện hành.

**Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát sinh và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biểu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế căn cứ vào Điều lệ của Công ty và quyết định của Hội đồng Quản trị.

**Ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.
- 

*Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn các điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN số 10 “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và đã áp dụng nhất quán trong các năm tài chính trước.

Tất cả các khoản phát sinh chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dự tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán phù hợp với quy định tại thông tư số 179/2012/TT-BTC do Bộ Tài Chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tập đoàn có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

**Các bên liên quan**

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	154.200.025	236.918.999
Tiền gửi ngân hàng	26.924.111.888	24.140.872.037
<b>Tổng</b>	<b><u>27.078.311.913</u></b>	<b><u>24.377.791.036</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Bảo hiểm xã hội phải thu	62.578.007	94.707.362
Phải thu người lao động	14.325.568	-
Thuế GTGT chưa kê khai	204.168.531	-
Công ty Cổ phần Công nghiệp xây dựng Toàn Phát	440.000.000	440.000.000
Phải thu khác	919.764.202	323.871.005
+ Thuế TNCN	400.000	27.064.706
+ Các khoản phải thu khác	919.364.202	296.806.299
<b>Tổng</b>	<b>1.640.836.308</b>	<b>858.578.367</b>

**3. Hàng tồn kho**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	55.593.813.370	68.237.241.147
Công cụ, dụng cụ	308.660.022	174.942.856
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	102.897.583.386	87.520.733.869
Thành phẩm	54.365.240.949	3.045.154.147
Hàng hoá	299.923.200	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b>213.465.220.926</b>	<b>158.978.072.019</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho</b>	<b>213.465.220.926</b>	<b>158.978.072.019</b>

**4. Thuế và các khoản phải thu nhà nước**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng còn được khấu trừ	-	481.057.320
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	81.369.812	-
<b>Tổng</b>	<b>81.369.812</b>	<b>481.057.320</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**5. Tài sản cố định hữu hình**

Đơn vị: VND

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>TSCĐ hữu hình khác</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>20.205.527.638</b>	<b>31.149.991.905</b>	<b>16.537.639.003</b>	<b>1.742.162.245</b>	<b>33.371.429</b>	<b>69.668.692.220</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>5.372.912.704</b>	<b>702.140.000</b>	<b>1.749.588.812</b>	<b>153.127.272</b>	-	<b>7.977.768.788</b>
Mua trong năm	-	702.140.000	136.363.636	153.127.272	-	991.630.908
Đầu tư XD CB hoàn thành	5.372.912.704	-	1.613.225.176	-	-	6.986.137.880
<b>Giảm trong năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>25.578.440.342</b>	<b>31.852.131.905</b>	<b>18.287.227.815</b>	<b>1.895.289.517</b>	<b>33.371.429</b>	<b>77.646.461.008</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
<b>Số dư tại 01/01/2012</b>	<b>14.574.591.728</b>	<b>25.009.368.633</b>	<b>10.599.806.370</b>	<b>1.210.920.795</b>	<b>12.826.213</b>	<b>51.407.513.739</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>1.830.185.076</b>	<b>3.665.267.193</b>	<b>2.004.177.460</b>	<b>201.957.919</b>	<b>11.123.832</b>	<b>7.712.711.480</b>
Khấu hao trong năm	1.830.185.076	3.665.267.193	2.004.177.460	201.957.919	11.123.832	7.712.711.480
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-
<b>Giảm trong năm</b>	<b>4.167.249</b>	<b>5.635.384</b>	<b>17.750.607</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>27.553.240</b>
Giảm do hợp nhất	4.167.249	5.635.384	17.750.607	-	-	27.553.240
<b>Số dư tại 31/12/2012</b>	<b>16.400.609.555</b>	<b>28.669.000.442</b>	<b>12.586.233.223</b>	<b>1.412.878.714</b>	<b>23.950.045</b>	<b>59.092.671.979</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>5.630.935.910</b>	<b>6.140.623.272</b>	<b>5.937.832.633</b>	<b>531.241.450</b>	<b>20.545.216</b>	<b>18.261.178.481</b>
<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>9.177.830.787</b>	<b>3.183.131.463</b>	<b>5.700.994.592</b>	<b>482.410.803</b>	<b>9.421.384</b>	<b>18.553.789.029</b>

(\*) Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay:

(\*) Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 31.242.426.908

(\*) Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý:

(\*) Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai :

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**6. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phân mềm máy vi tính</b>	<b>Tổng</b>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 01/01/2012	10.728.091.430	270.169.000	10.998.260.430
Số dư tại 31/12/2012	<u>10.728.091.430</u>	<u>270.169.000</u>	<u>10.998.260.430</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 01/01/2012	667.606.303	211.101.390	878.707.693
Tăng trong năm	266.536.440	43.691.660	310.228.100
Khấu hao trong năm	266.536.440	43.691.660	310.228.100
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	<u>934.142.743</u>	<u>254.793.050</u>	<u>1.188.935.793</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 01/01/2012	<u>10.060.485.127</u>	<u>59.067.610</u>	<u>10.119.552.737</u>
Tại 31/12/2012	<u>9.793.948.687</u>	<u>15.375.950</u>	<u>9.809.324.637</u>

**7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>01/01/2012 VND</b>
Xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty mẹ	19.597.232.797	11.607.566.131
- Công trình nhà máy tại Hải Dương	19.597.232.797	11.607.566.131
Xây dựng cơ bản dở dang tại Công ty con PPEC	1.198.635.266	4.558.793.150
Cải tạo nhà phun bi - Nhà xưởng PPEC	-	483.215.238
Nhà kho để vật tư - Nhà xưởng PPEC	-	33.861.824
Cầu trục 30T Sơn La - Nhà xưởng PPEC	-	459.475.351
Nhà xưởng nhiệt điện - Nhà xưởng PPEC	-	3.099.322.154
Nhà kho chứa sơn - Nhà xưởng PPEC	-	26.306.613
Tủ phân phối - Xưởng nhiệt điện - PPEC	-	30.266.399
Hệ thống tủ động lực - Xưởng nhiệt điện PPEC	-	95.671.556
Cầu trục 5 tấn - Xưởng nhiệt điện - PPEC	-	228.972.335
Xây dựng nhà xưởng phun sơn - Xưởng 4 - PPEC	-	101.701.680
Mái che bán công trục 10 tấn (mở rộng xưởng 2)	120.456.432	-
Công trục 2x20 tấn phục vụ lắp đặt thủy điện Sông Bạc	1.078.178.834	-
<b>Tổng</b>	<u>20.795.868.063</u>	<u>16.166.359.281</u>

**8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<b>31/12/2012 VND</b>	<b>01/01/2012 VND</b>
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>10.500.000.000</b>	<b>2.500.000.000</b>
Công ty CP dịch vụ sửa chữa Nhiệt điện Miền Bắc	2.500.000.000	2.500.000.000
Công ty CP Thủy điện Viwaseen - Tây Bắc	8.000.000.000	-
<b>Tổng</b>	<u>10.500.000.000</u>	<u>2.500.000.000</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Công ty sở hữu 800.000 cổ phần tương đương 8.000.000.000 VND với tỷ lệ lợi ích 5,3% tại Công ty CP Thủy điện Viwaseen - Tây Bắc theo Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần số: 008/TDTB-PN ngày 10/10/2012. Khoản tiền mua cổ phần trên được bù trừ với công nợ của phần giá trị xây lắp do nhà đầu tư thực hiện tại dự án Nhà máy thủy điện Nậm La, Sơn La theo Hợp đồng mua bán cổ phần ngày 22/05/2012.

**9. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trị giá chuyển quyền sử dụng đất tại Hải Dương	20.000.000.000	20.000.000.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	449.181.040	884.124.402
<b>Cộng</b>	<b>20.449.181.040</b>	<b>20.884.124.402</b>

**10. Vay và nợ ngắn hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>	<b>104.262.526.138</b>	<b>53.042.888.613</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Chương Dương	99.460.046.570	53.042.888.613
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan VN - CN Trần Duy Hưng	4.802.479.568	-
<b>Công ty con - PPEC</b>	<b>35.094.512.412</b>	<b>24.808.262.008</b>
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN KCN Tiên Sơn	24.998.168.028	20.356.915.225
Ngân hàng NN&PTNT - CN Tiên Sơn	-	2.049.886.040
Vay cá nhân	9.995.208.384	2.401.460.743
Vay dài hạn đến hạn trả	101.136.000	-
<b>Công ty con - PECA</b>	<b>1.370.000.000</b>	<b>960.000.000</b>
Vay cá nhân	1.370.000.000	960.000.000
<b>Tổng</b>	<b>140.727.038.550</b>	<b>78.811.150.621</b>

Trong đó: Chi tiết các khoản vay ngắn hạn

<b>Số hợp đồng vay</b>	<b>Bên cho vay</b>	<b>Lãi suất vay</b>	<b>Thời hạn vay</b>	<b>Tổng giá trị khoản vay</b>	<b>Số dư nợ gốc</b>	<b>Số nợ gốc phải trả kỳ tới</b>	<b>Phương thức bảo đảm vay</b>
01-2012/HĐ TD/NHC TCD-PEC	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	Theo lãi suất NH	09 tháng	99.460.046.570	99.460.046.570	99.460.046.570	Tín chấp
SHBVN/TDH2012 /0011	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	Theo lãi suất NH	12 tháng	4.802.479.568	4.802.479.568	4.802.479.568	Tín chấp

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

20120901	Vietinbank -						
/HĐTDH	KCN Tiên	Theo lãi					Tài sản
M-PPEC	Son	suất NH	06 tháng	25.000.000.000	24.998.168.028	24.998.168.028	đảm bảo
HĐTD01/							
CN01-	Nguyễn Thị	Theo lãi					
2012	Bên	suất NH	06 tháng	13.000.000.000	9.995.208.384	9.995.208.384	Tín chấp
78/2010/	Ngân hàng						
HĐTD/T	TMCP						
H-	Techcombank						
PN/TCB-	k - CN Tiên	Theo lãi					Tài sản
TS	Son	suất NH	36 tháng	455.000.000	101.136.000	101.136.000	đảm bảo
		Theo lãi					
	Cá nhân	suất NH			1.370.000.000	1.370.000.000	Tín chấp
<b>Cộng</b>					<b>140.727.038.550</b>	<b>140.727.038.550</b>	

**11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3.160.544.038	3.385.193.752
Thuế xuất, nhập khẩu	883.729.437	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.569.389.901	954.130.995
Thuế thu nhập cá nhân	16.911.300	36.274.819
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	33.914.464	256.678.124
<b>Tổng</b>	<b>6.664.489.140</b>	<b>4.632.277.690</b>

**12. Chi phí phải trả**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	455.049.698	325.119.720
Chi phí phải trả khác	-	127.407.096
<b>Tổng</b>	<b>455.049.698</b>	<b>452.526.816</b>

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	1.601.805.169	1.117.871.516
Bảo hiểm xã hội	3.794.662.316	1.536.480.890
Bảo hiểm y tế	92.332.004	29.987.943
Bảo hiểm thất nghiệp	117.509.347	12.867.822
Trợ cấp ốm đau thai sản	18.700.000	-
Cổ tức phải trả	4.446.299.700	3.645.299.700
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.662.851.675	835.473.010
<b>Tổng</b>	<b>12.734.160.211</b>	<b>7.177.980.882</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. Vay dài hạn và nợ dài hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay dài hạn</b>	<b>595.512.151</b>	<b>2.851.204.523</b>
Vay ngân hàng	-	240.154.000
<i>Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Tiên Sơn</i>	-	<i>240.154.000</i>
Vay đối tượng khác	595.512.151	2.611.050.523
<i>Vay tiền sinh nhật người lao động trong Công ty</i>	<i>595.512.151</i>	<i>2.611.050.523</i>
<b>Tổng</b>	<b>595.512.151</b>	<b>2.851.204.523</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**15. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>24.300.000.000</b>	<b>2.325.000.000</b>	<b>8.246.217.828</b>	<b>39.708.561</b>	<b>14.026.643.706</b>	<b>2.313.853.092</b>	<b>993.066.223</b>	<b>10.367.631.352</b>	<b>62.612.120.762</b>
Tăng trong năm trước	-	-	-	-	<b>2.403.385.030</b>	<b>349.959.542</b>	-	<b>2.702.937.025</b>	<b>5.456.281.597</b>
Lãi	-	-	-	-	-	-	-	2.702.937.025	2.702.937.025
Tăng khác	-	-	-	-	2.403.385.030	349.959.542	-	-	2.753.344.572
<b>Giảm trong năm trước</b>	-	-	-	<b>39.533.841</b>	-	-	-	<b>7.060.283.377</b>	<b>7.099.817.218</b>
Chi cổ tức năm trước	-	-	-	-	-	-	-	3.645.000.000	3.645.000.000
Các quỹ thuộc VCSH	-	-	-	-	-	-	-	2.753.344.572	2.753.344.572
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	39.533.841	-	-	-	661.938.805	701.472.646
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>24.300.000.000</b>	<b>2.325.000.000</b>	<b>8.246.217.828</b>	<b>174.720</b>	<b>16.430.028.736</b>	<b>2.663.812.634</b>	<b>993.066.223</b>	<b>6.010.285.000</b>	<b>60.968.585.141</b>
Tăng trong năm nay	-	-	-	-	<b>1.187.186.891</b>	-	-	<b>2.343.775.916</b>	<b>3.530.962.807</b>
Lãi	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Tăng vốn từ các quỹ	-	-	-	-	1.187.186.891	-	-	-	1.187.186.891
Tăng do hợp nhất	-	-	-	-	-	-	-	2.323.598.597	2.323.598.597
Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	20.177.319	20.177.319
<b>Giảm trong năm nay</b>	-	-	-	<b>174.720</b>	-	-	-	<b>8.692.214.949</b>	<b>8.692.389.669</b>
Chi cổ tức năm nay	-	-	-	-	-	-	-	3.039.000.000	3.039.000.000
Phân phối các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	1.483.983.615	1.483.983.615
Lỗ năm nay	-	-	-	-	-	-	-	3.826.564.613	3.826.564.613
Giảm khác	-	-	-	174.720	-	-	-	342.666.721	342.841.441
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>24.300.000.000</b>	<b>2.325.000.000</b>	<b>8.246.217.828</b>	<b>-</b>	<b>17.617.215.627</b>	<b>2.663.812.634</b>	<b>993.066.223</b>	<b>(338.154.033)</b>	<b>55.807.158.279</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn góp của Nhà nước	10.200.000.000	10.200.000.000
- Tập đoàn điện lực Việt Nam	10.200.000.000	10.200.000.000
Vốn góp của đối tượng khác	14.100.000.000	14.100.000.000
- Các Cổ đông sáng lập khác	2.068.300.000	2.068.300.000
- Cổ đông khác	12.031.700.000	12.031.700.000
<b>Cộng</b>	<b>24.300.000.000</b>	<b>24.300.000.000</b>

**c) Giao dịch về vốn với các chủ sở hữu**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</b>		
Vốn góp đầu năm	24.300.000.000	24.300.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	24.300.000.000	24.300.000.000

**e) Cổ phiếu**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>Cổ phần</b>	<b>Cổ phần</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành</b>	<b>2.430.000</b>	<b>2.430.000</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng</b>	<b>2.430.000</b>	<b>2.430.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	2.430.000	2.430.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
<b>Số lượng cổ phiếu được mua lại</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Số lượng cổ phiếu đang lưu hành</b>	<b>2.430.000</b>	<b>2.430.000</b>
Cổ phiếu phổ thông	2.430.000	2.430.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

*Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu*

**16. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	2.450.000.000	2.450.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	61.967.916	61.967.916
Quỹ dự phòng tài chính	30.983.958	30.983.958
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	291.937.225	(311.082.259)
<b>Tổng</b>	<b>2.834.889.099</b>	<b>2.231.869.615</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**17. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng thành phẩm	200.559.271.554	276.046.515.012
Doanh thu bán hàng hóa, vật tư	61.448.610.276	24.378.287.710
Doanh thu cung cấp dịch vụ mạ	36.670.325.840	-
Doanh thu gia công xây lắp và dịch vụ khác	24.704.666.156	72.133.873.473
<b>Tổng</b>	<b>323.382.873.826</b>	<b>372.558.676.195</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>		
Hàng bán bị trả lại	-	29.448.978
<b>Tổng</b>	<b>-</b>	<b>29.448.978</b>
<b>Doanh thu thuần</b>		
Doanh thu thuần bán hàng thành phẩm	200.559.271.554	276.017.066.034
Doanh thu thuần bán hàng hóa, vật tư	61.448.610.276	24.378.287.710
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ mạ	36.670.325.840	-
Doanh thu thuần gia công xây lắp và dịch vụ khác	24.704.666.156	72.133.873.473
<b>Tổng</b>	<b>323.382.873.826</b>	<b>372.529.227.217</b>

**18. Giá vốn hàng bán**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	169.607.812.973	259.204.674.706
Giá vốn của hàng hóa, vật tư đã bán	58.993.202.886	23.488.891.545
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	50.508.970.739	55.885.257.055
<b>Cộng</b>	<b>279.109.986.598</b>	<b>338.578.823.306</b>

**19. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi ngân hàng	85.970.745	145.443.461
Cổ tức, lợi nhuận được chia	275.000.000	125.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	3.664.480	108.614.099
<b>Tổng</b>	<b>364.635.225</b>	<b>379.057.560</b>

**20. Chi phí tài chính**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Năm 2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí lãi vay	17.137.121.164	12.201.513.904
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	387.098.145	968.345.797
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	31.577	-
Chi phí hoạt động tài chính khác	1.072.720	9.900
<b>Tổng</b>	<b>17.525.323.606</b>	<b>13.169.869.601</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**21. Lợi nhuận khác**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	-	80.000.000
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	1.545.612.555	-
Tiền thu từ bán phế liệu	2.471.780.705	3.492.611.122
Các khoản thu khác	563.490.850	22.294.181
<b>Cộng thu nhập khác</b>	<b>4.580.884.110</b>	<b>3.594.905.303</b>
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	-	4.467.365
Chi phí thanh lý phế liệu	2.410.344.218	2.719.218.256
Các khoản chi khác	82.576.930	234.016.093
<b>Cộng chi phí khác</b>	<b>2.492.921.148</b>	<b>2.957.701.714</b>
<b>Lợi nhuận từ hoạt động khác</b>	<b>2.087.962.962</b>	<b>637.203.589</b>

**22. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	1.531.121.026	642.671.930
<b>Tổng cộng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.531.121.026</b>	<b>642.671.930</b>

**23. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(862.603.876)	(353.573.646)
- Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho	(813.186.714)	(353.573.646)
- Lãi chưa thực hiện trong Xây dựng cơ bản	(49.417.163)	-
- Lãi chưa thực hiện trong chi phí trả trước	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn	-	226.548.660
- Lãi chưa thực hiện trong hàng tồn kho	-	225.244.485
- Lãi chưa thực hiện trong tài sản cố định	-	422.654
- Lãi chưa thực hiện trong chi phí trả trước	-	881.521
<b>Tổng</b>	<b>(862.603.876)</b>	<b>(127.024.986)</b>

**24. Lãi trên cổ phiếu**

	Năm 2012 VND/Cổ phiếu	Năm 2011 VND/Cổ phiếu
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	(3.826.564.613)	2.702.937.025
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.430.000	2.430.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>(1.575)</b>	<b>1.112</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**VI. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

**Dự phòng phải thu ngắn hạn và dài hạn**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Công ty TNHH MTV SX & TM TERRAWOOD VN	251.380.200	24.479.400
Công ty CP KD XNK VTTB Minh Quang	-	54.976.184
Ban QLDA các công trình điện Miền Trung	-	1.027.732.723
Công ty TNHH MTV Đông tàu Phà Rừng	101.381.526	-
Ban QLDA lưới điện - Công ty Điện lực 1	2.486.800	2.486.800
Công ty CP Sông Đà 702	58.497.064	58.497.064
Công ty CP Thủy điện Quế Phong	6.307.024.217	2.957.160.768
Công ty TNHH TBXD chiếu sáng ĐT Tấn Phát	-	86.556.020
Công ty cơ khí & XD số 10 Thăng Long	181.189.485	181.189.485
Công ty nhiệt điện Uông Bí - Tập đoàn điện lực VN	418.963.906	418.963.906
Công ty TNHH ĐT & XD Sông Lam	3.435.423.406	2.404.796.384
Công ty CP phụ gia bê tông Phả Lại	3.021.397.681	3.034.667.698
Công ty TNHH TM & DV Tuấn Long	24.238.465	-
Công ty TNHH Gia công Kim khí Ba Đình	22.157.765	31.653.950
Công ty CP Tập đoàn Hưng Hải	-	1.062.504.135
Công ty TNHH Đại Tiến Phát	10.000.001	-
EHWA Industrial Co.,LTD	295.317.527	295.317.527
Xí nghiệp Cơ khí XD - Công ty TNHH MTV XL điện 2	10.448.100	10.448.100
Đội XL điện 5 (CN 5 - Công ty TNHH MTV XL điện 2)	38.299.076	38.158.085
<b>Tổng cộng</b>	<b>14.178.205.218</b>	<b>11.689.588.229</b>

**2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

**3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

<u>Các bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>	<u>Nội dung nghiệp vụ</u>	<u>Giá trị giao dịch</u>
Tập đoàn điện lực Việt Nam	Trong tập đoàn	Phải trả tiền vay	4.148.720.060
Tập đoàn điện lực Việt Nam	Trong tập đoàn	Phải trả cổ tức	2.754.000.000

**4. Số liệu so sánh**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

**5. Thông tin về hoạt động liên tục**

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**6. Những thông tin khác**

Ngoài những thông tin đã trình bày trên, trong năm Công ty không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày hay công bố trên Báo cáo tài chính.

*Hà Nội, ngày 18 tháng 04 năm 2013*

**Người lập biểu**

**Kế toán trưởng**

**Tổng Giám đốc**

**Tạ Thị Mai Hương**

**Phạm Thu Hằng**

**Lê Minh Hải**